

## PHÂN TÍCH BÀI THƠ NƯỚC ĐẠI VIỆT TA CỦA NGUYỄN TRÃI

### 1. Dàn ý phân tích bài thơ Nước Đại Việt ta

#### a. Mở bài:

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm: “Bình Ngô đại cáo” là một trong những tác phẩm nổi tiếng nhất của vị anh hùng dân tộc - danh nhân văn hóa thế giới - Nguyễn Trãi.

- Khái quát nội dung tác phẩm: Đoạn trích “Nước Đại Việt ta” trích trong “Bình Ngô đại cáo” đã khẳng định chủ quyền lãnh thổ dân tộc về mọi mặt với những tư tưởng tiến bộ, sâu sắc của Nguyễn Trãi.

#### b. Thân bài:

- Tư tưởng nhân nghĩa gắn liền với tư tưởng yêu nước, thương dân:

+ Cốt lõi của nhân nghĩa là “yên dân”, “trừ bạo”. Đây là tư tưởng lấy dân làm gốc, “dân vi bản”.

+ Trong tư tưởng nho giáo xưa, nhân nghĩa là phạm trù cá nhân, chỉ đạo lí, cách ứng xử, tình cảm giữa người với người.

- Nguyễn Trãi đưa ra 5 phạm trù quan trọng để xác lập một quốc gia, dân tộc:

+ Thứ nhất là nền văn hiến: Nước ta có nền văn hiến nghìn năm, đây là điều mà không phải quốc gia nào cũng có được. Lịch sử văn hiến ấy là bằng chứng rõ nhất cho sự tồn tại toàn vẹn lãnh thổ, độc lập dân tộc.

+ Thứ hai là phạm vi lãnh thổ: Lãnh thổ nước ta được giới hạn bởi đường biên giới, được chia cách từ thuở sơ khai dựng nước.

+ Thứ ba là phong tục tập quán.

+ Thứ tư là lịch sử triều đại: Tác giả liệt kê một loạt các triều đại nước ta, đặt ngang hàng với các triều đại của Trung Quốc -> khẳng định vị trí, vị thế của ta so với Trung Quốc và thế giới.

+ Thứ năm là anh hùng hào kiệt: Nhân tài là nguyên khí của quốc gia, hào kiệt chính là bằng chứng cho linh khí, long mạch của một đất nước.

+ Trong quan niệm của Lý Thường Kiệt, ông chỉ nhắc đến 2 phạm trù, đó là phạm vi lãnh thổ và chủ quyền độc lập. Còn đối với Nguyễn Trãi, một quốc gia phải được định danh rõ ràng qua nền văn hiến riêng, lãnh thổ riêng, phong tục riêng, lịch sử triều đại và truyền thống dân tộc.

- Lịch sử chống giặc ngoại xâm hào hùng của dân tộc:

+ Liệt kê một loạt những chiến thắng lẫy lừng của dân tộc ta cũng như những thất bại thảm hại của những kẻ dám xâm phạm nước ta, sử dụng các động từ mạnh “thất bại”, “tiêu vong”, “bất sống”, “giết tươi”...

+ Qua đó khẳng định sức mạnh dân tộc và là lời cảnh cáo, đe dọa đầy sức nặng đến những kẻ tham lam có định xâm chiếm nước ta.

- Nghệ thuật:

+ Thể cáo đầy trang trọng, có tính chất tuyên bố đến toàn dân thiên hạ.

+ Lập luận chặt chẽ, chứng cứ hùng hồn đầy sức thuyết phục.

- + Giọng điệu linh hoạt, khi thì tự hào, hào sảng, khi thì dứt khoát, hùng hồn.
- + Sử dụng câu văn biến ngẫu cùng các biện pháp so sánh, đối lập giúp tăng nhịp điệu, sức thuyết phục.

### c. Kết bài:

- Khẳng định lại giá trị tác phẩm: Không chỉ thành công ở nghệ thuật văn chính luận, đoạn trích "Nước Đại Việt ta" còn có giá trị to lớn về nội dung tư tưởng, mang đậm hào khí dân tộc.
- Liên hệ và đánh giá tác phẩm: Nước Đại Việt ta được đánh giá là một bản tuyên ngôn độc lập bất hủ.

## 2. Bình giảng tác phẩm Nước Đại Việt ta

Nguyễn Trãi là một nhà thơ trữ tình, một nhà văn chính luận, một anh hùng dân tộc và là một danh nhân văn hóa nổi tiếng trên thế giới. Tên tuổi Nguyễn Trãi gắn liền với cuộc chiến đấu vĩ đại trong công cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược ở thế kỉ XV. Sau khi kết thúc thắng lợi, thừa lệnh vua Lê Thái Tổ, ông đã viết nên bài "Bình Ngô đại cáo" (Tuyên bố rộng rãi về việc dẹp yên giặc Ngô). Tác phẩm không những là văn kiện lịch sử quý giá, tổng kết quá trình đấu tranh gian khổ của quân dân ta trong cuộc chiến chống quân Minh mà văn bản còn được coi như một bản Tuyên ngôn độc lập, một "áng thiên cổ hùng văn" của dân tộc ta. Đoạn trích "Nước Đại Việt ta" trích trong "Bình Ngô đại cáo" là một trong những đoạn trích nằm ở phần mở đầu của tác phẩm, đã cho thấy sự phát triển vượt bậc về mặt tư tưởng yêu nước của dân tộc ta ở thế kỉ XV.

Tháng 12/1427, giặc Minh thua trận, rút quân về nước. Tháng 1/1428, Nguyễn Trãi thay vua Lê viết bài "Bình Ngô đại Cáo". Bài thơ được viết theo thể cáo – một thể văn cổ, có tính chất quan phương hành chính, dành cho vua chúa hoặc thủ lĩnh viết, nhằm trình bày một chủ trương, công bố kết quả một sự nghiệp trọng đại cho toàn dân được biết. Về hình thức, Cáo thường được viết theo lối văn biền ngẫu, có tính chất hùng biện nên lời lẽ đánh thép, lí luận sắc bén, kết cấu chặt chẽ, logic, mạch lạc. Bố cục bài cáo gồm bốn phần thì đoạn trích "Nước Đại Việt ta" nằm ở phần đầu có vai trò: nêu luận đề chính nghĩa của cuộc kháng chiến.

*"Từng nghe:*

*Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân  
Quân điếu phạt trước lo trừ bạo.  
Như nước Đại Việt ta từ trước  
Vốn xưng nền văn hiến đã lâu,  
Núi sông bờ cõi đã chia,  
Phong tục Bắc Nam cũng khác.*

*Từ Triệu, Đinh, Lí, Trần bao đời gây nền độc lập,  
Cùng Hán Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương,  
Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau,  
Song hào kiệt đời nào cũng có"*

Đặt đoạn một của bài văn trong kết cấu chung, vấn đề cần phân tích để rút ra: sự tồn tại của quốc gia Đại Việt là một chân lí vĩnh hằng. Quốc gia ấy có tư tưởng riêng, có sức mạnh riêng, nghĩa là những yếu tố tinh thần nằm trong một hệ thống song hành cùng với các yếu tố vật chất như địa lí, đất đai. Vậy, tư tưởng riêng ấy là gì? Đừng vội trả lời rằng đó là đạo lí nhân

nghĩa, dù câu văn trong bài cáo là "Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân". Bởi nhân nghĩa vốn là học thuyết của Nho gia nói về quan hệ đối xử giữa con người với con người. Nhưng đến Nguyễn Trãi, nó được nâng lên, được mở rộng ra trong một quan hệ khác: giữa các quốc gia, dân tộc với nhau. Cũng như sau này, cách Nguyễn Trãi năm thế kỉ, Hồ Chí Minh, trong Tuyên ngôn Độc lập đã "suy rộng ra" ("Suy rộng ra, câu ấy có nghĩa là..."). Từ quyền sống của con người cá thể, từ đạo lí mà con người cá thể ấy nên theo mà "suy rộng ra" như vậy là hợp lí với lô gích của tư duy, nhất là nó phù hợp với hoàn cảnh lịch sử của dân tộc ta, một dân tộc vốn là đối tượng nhòm ngó của bao nhiêu thế lực bên ngoài từ đông sang tây, từ nam đến bắc. Nhân nghĩa là trái với bạo ngược. Nhân nghĩa là tình thương và lẽ phải hướng về phía nhân dân. "Trừ bạo" vì "yên dân" là nhân nghĩa, đó là nói chung.

Còn nói riêng, khi đất nước bị xâm lăng, vì thương dân (nhân), vì việc phải, nên làm (nghĩa), quân đội ấy trở thành "quân điếu phạt". Nhân nghĩa không còn là một khái niệm khoan dung mà là trừ ác, có trừ ác mới đạt được cái đích yên dân. Tính chặt chẽ trong lập luận nổi bật hẳn lên giữa hai khía cạnh tương ứng như đối lập mà thống nhất. Hai câu văn như hàm súc một chân lí thiêng liêng, là người nói mà như là trời nói, nghĩa là cùng một thứ "sách trời" (hai chữ thiên thư trong Nam quốc sơn hà). Chính sự mở rộng về khái niệm nhân nghĩa này, Nguyễn Trãi đã đưa được nó vào một khái niệm rộng hơn : nền văn hiến. Đất nước có chủ quyền không chỉ dựa vào yếu tố lịch sử, đất đai, mà chủ yếu là đất nước ấy thực sự có một nền văn hiến. Đó là dấu hiệu của một nền văn minh. Nền văn hoá phi vật thể này chính là sự bổ sung quan trọng cho tinh thần dân tộc. Quốc gia Đại Việt không chỉ có "Núi sông bờ cõi đã chia" (dùng lại ý trong bài Nam quốc sơn hà) mà còn có "Phong tục Bắc Nam cũng khác".

Trong bản tuyên ngôn lần thứ nhất của dân tộc ta trong bài thơ thần "Nam quốc sơn hà", tác giả cũng đã nêu ra những yếu tố cơ bản để xác định chủ quyền dân tộc: có hoàng đế riêng, có lãnh thổ riêng, có "sách trời" (thần linh) bảo hộ, công nhận và có đưa ra lời chân lí khẳng định: quân xâm lược sẽ thất bại nếu cứ cố tình xâm phạm tới Đại Cồ Việt. Và đến Nguyễn Trãi, ông đã kế thừa hai yếu tố để khẳng định chủ quyền dân tộc: có hoàng đế và có lãnh thổ riêng biệt. Đồng thời, ông còn bổ sung thêm những yếu tố mới, không dựa vào thần linh (yếu tố siêu nhiên) như trước nữa mà căn cứ vào những sự thật hoàn toàn có thật để làm tăng tính khách quan, chân thực, và thuyết phục cho văn bản. Những yếu tố đó có vai trò quan trọng, khẳng định vị thế vững chắc, tồn tại bất biến với thời gian, năm tháng: đó là đất nước ta có nền văn hiến lâu đời; có cương vực lãnh thổ rõ ràng, riêng biệt; có phong tục tập quán, lối sống riêng; có lịch sử gắn liền với các triều đại phong kiến đã qua; có nhân tài hào kiệt đời nào cũng có. Tất cả những yếu tố này đều được Nguyễn Trãi đặt sánh ngang tầm với Trung Quốc (phương Bắc) cho thấy được sự tự tôn dân tộc mạnh mẽ, đồng thời khẳng định Đại Việt xứng đáng là một quốc gia độc lập, có chủ quyền, dù bất kì kẻ thù có lớn mạnh tới bao nhiêu thì khi đem dã tâm xâm lược tới đều sẽ bị chuốc lấy bại vong. Vì thế, lời thơ không chỉ là lời khẳng định mà còn là lời thề nguyện quyết tâm sẽ giữ vững nền chủ quyền độc lập dân tộc của nhân dân ta ở thế kỉ XV.

*"Vậy nên*

*Lưu Cung tham công nên thất bại;*

*Triệu Tiết chí lớn phải vong thân;*

*Cửa Hàm tử bắt sống Toa Đô*

*Sông Bạch Đằng giết tươi Ô Mã*

*Việc xưa xem xét.*

*Chứng cứ còn ghi"*

Tác giả đã nêu lên các danh tướng của các triều đại Trung Quốc, khi mang quân sang xâm lược nước ta đều bị đánh bại một cách thảm hại, đơn giản vì đó là hành động phi nghĩa, trái với Sách trời, cho nên ắt phải chuốc lấy thất bại. Tác giả đã nêu lên chân lí: kẻ có âm mưu xâm lược nước khác, và đem quân xâm lược nước khác, chính là kẻ phản nhân nghĩa, chắc chắn sẽ chuốc lấy thất bại.

Từ đó, tác giả đi đến những dẫn chứng cụ thể, đầy thuyết phục về sức mạnh của dân tộc ta đã kinh qua nhiều thử thách và lịch sử đã từng ghi lại bao chiến công lừng lẫy của cha ông ta: Lưu Cung thất bại, Triệu Tiết tiêu vong, Toa Đô bị bắt, Ô Mã bị giết. Chúng ta thấy dẫn chứng được đưa ra một cách dồn dập theo hình thức liệt kê, cho thấy sức thuyết phục càng cao; đồng thời thấy rõ được niềm tự hào dân tộc sâu sắc của tác giả khi đứng trước những chiến công đó.

Hào khí chiến thắng, niềm tự hào dân tộc như căng tràn trong từng câu chữ, những nhịp điệu tiết tấu của âm điệu ngẫu tạo thành một sự cộng hưởng ngân vang, dồn dập, có sức lay động mạnh mẽ tới tình cảm người đọc... Tất cả đã làm nên sức thành công của đoạn trích và toàn bộ tác phẩm, xứng đáng với danh hiệu: áng thiên cổ hùng văn, tràn đầy tinh thần tự hào dân tộc sâu sắc.

### 3. Bài văn phân tích văn bản Nước Đại Việt ta

Như ta biết, Cáo cùng với Hịch, Chiếu là những văn bản có tính chất công vụ hành chính từ trên ban truyền hoặc trình bày, giải thích một chủ trương hoặc công bố một sự kiện. Ở đây, Nguyễn Trãi dùng từ đại cáo vì sự kiện mà bài văn nói đến là một sự kiện lớn: công cuộc bình Ngô. Đòi hỏi ở một bài cáo nói riêng, một bài văn nghị luận nói chung phải là sự chặt chẽ đã đành, trong trường hợp này, tác giả vừa lược thuật chiến tranh vừa bàn luận về chiến tranh. Nó vừa là lịch sử vừa là tư tưởng. Làm thế nào phối hợp được cái bề nổi và chiều sâu hàm ẩn ấy, điều này quả không đơn giản chút nào. Hiện diện bằng câu chữ thì bài văn gồm có bốn phần: chân dung quốc gia Đại Việt; tội ác của quân thù; cuộc dấy binh thắng lợi; một trang sử mới mở ra, ấy là theo trình tự của loại văn miêu tả, tự sự thông thường. Dựa vào đó mà phân tích không phải là không có lí. Nhưng bài văn còn một tầng nghĩa thứ hai là chuyên chở tư tưởng của người viết. Chính tư tưởng (mạch chìm) của người viết mới tạo ra cho bài văn cái ý nghĩa kép làm cho câu, chữ toả sáng, lung linh, rung động lòng người từ đó đến nay, xứng đáng là một "thiên cổ hùng văn" mà người xưa ca ngợi.

Mở đầu đoạn trích, tác giả viết:

*"Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân  
Quân điếu phạt trước lo trừ bạo"*

Có thể coi hai câu thơ này là cốt lõi tư tưởng của Nguyễn Trãi nói riêng và của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn nói chung.

Nhân là quan niệm đạo đức có từ lâu đời mà ý nghĩa ban đầu của nó chỉ bó hẹp trong sự tương thân, tương ái giữa người với người. Chữ nhân trong chính sách cai trị của vua biểu hiện ở khuynh hướng coi trọng dân chúng, lấy dân làm gốc: Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh. Nhân nghĩa trong đạo lí được mở rộng thành lòng thương người và những việc tốt đẹp nên làm.

Nguyên lí nhân nghĩa là nền tảng cơ bản để Nguyễn Trãi triển khai nội dung bài Bình Ngô đại cáo. Tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi biểu hiện cụ thể qua hành động yên dân, trừ bạo. Yên dân là vỗ về, an ủi, làm cho dân chúng được hưởng cuộc sống ấm no, thái bình. Muốn yên dân thì phải trừ bạo, tức là tiêu diệt mọi thế lực bạo tàn làm khổ dân.



Để khẳng định chủ quyền độc lập dân tộc, tác giả đã dựa vào rất nhiều yếu tố, đó chính là những dẫn chứng hùng hồn và chặt chẽ nhất:

*"Như nước Đại Việt ta từ trước*

*Vốn xưng nền văn hiến đã lâu,*

*Núi sông bờ cõi đã chia,*

*Phong tục Bắc Nam cũng khác.*

*Từ Triệu, Đinh, Lí, Trần bao đời xây nền độc lập,*

*Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên, mỗi bên xưng đế một phương"*

Tác giả đã nêu ra dẫn chứng Nước ta là một nước có nền văn hiến từ rất lâu đời, "núi sông bờ cõi đã chia/phong tục Bắc Nam cũng khác" chính là chỉ ra việc rạch ròi về lãnh thổ giữa Trung Quốc và nước ta. Mỗi nước có lãnh thổ riêng, cho nên phong tục cũng sẽ khác nhau, có chủ quyền rõ ràng. Nước ta có truyền thống lịch sử lâu đời, văn hóa mang bản sắc Đại Việt. Tác giả nêu tên các triều đại trước đây của ta, và song hành cùng đó, ngang hàng với các triều đại phong kiến phương Bắc, điều đó ám chỉ mỗi nước có lãnh thổ riêng, không ai xâm phạm đến ai. Tác giả còn nêu lên truyền thống đánh giặc ngoại xâm anh hùng của dân tộc ta"

*"Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau*

*Song hào kiệt đời nào cũng có"*

Đó chính là niềm tự hào dân tộc, tự hào về truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta. Cho nên, tác giả đã nêu lên một khí chất anh hùng của cả dân tộc, cũng như một lời cảnh báo đến quân thù, luôn mang âm mưu thôn tính nước ta.

*"Vậy nên*

*Lưu Cung tham công nên thất bại;*

*Triệu Tiết chí lớn phải vong thân;*

*Cửa Hàm tử bắt sống Toa Đô*

*Sông Bạch Đằng giết tươi Ô Mã*

*Việc xưa xem xét.*

*Chứng cứ còn ghi"*

Nhưng nó chứng minh cho cái gì? Có lẽ cả hai, cả tư tưởng nhân nghĩa, một đạo lí làm người, ngọn cờ của đội quân "điều phạt", cả chủ quyền dân tộc dựa trên tư tưởng ấy, nghĩa là dựa trên nền tảng của một "nền văn hiến đã lâu". Cuộc đụng đầu lịch sử giữa kẻ phi nghĩa, bất nhân với quốc gia Đại Việt là trên tinh thần ấy. Kẻ thù "thất bại", "tiêu vong" vì động cơ ích kỉ, vì "thích lớn", "tham công". Dựa vào tướng giỏi, quân đông, không "lấy nhân nghĩa làm gốc", mà chỉ lấy "trí dũng làm cành", hậu quả ấy không thể nào tránh khỏi. Ở đây vừa có cái nguyên cớ của sự bại vong, có cả chứng tích của sự bại vong như những hiện vật trong viện bảo tàng, với kẻ địch là một sự nhục nhã muôn đời khôn rửa, tiếng xấu còn ghi, còn với ta, đó là minh chứng cho một lẽ phải hùng hồn mà dân tộc Đại Việt đã gửi trọn niềm tin vào đó (tất nhiên còn là tinh thần xả thân, ý thức và hành động xả thân - như cách nói của Trần Quốc Tuấn ("Dầu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa"). Bạch Đằng, Hàm Tử với lịch sử dân tộc như những dấu son chói lọi làm phấn chấn lòng người bao nhiêu thì cũng những địa danh đó, với kẻ địch, bao nhiêu tham vọng, danh dự bị vĩnh viễn chôn vùi. Nhưng còn đáng nói thêm : lời tiên tri (hai câu đầu bài cáo) đã có ứng

nghiệm theo luật quả báo (nhân nào quả ấy) tức thời. Cái chết của Ô Mã, của Toa Đô với chúng là đột ngột, bất ngờ, không sao hiểu nổi. Ngược lại cái chết "bất đắc kì tử" ấy, chỉ chúng ta hiểu: điều gì xảy ra tất phải xảy ra theo luật định, mệnh trời.

Với tư cách là phần văn bản mở đầu áng thiên cổ hùng văn "Bình Ngô đại cáo" của Nguyễn Trãi, văn bản "Nước Đại Việt ta" đã khẳng định lí tưởng yêu nước, thương dân của những nhà lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Hơn thế, đoạn trích còn khẳng định vị thế dân tộc trên nhiều phương diện, từ đó thể hiện lòng tự hào dân tộc vô bờ của tác giả.

www.eLib.vn